TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN ĐỀ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **20**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 27/4/2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chiêm Ngọc Linh
Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Ông Nguyễn Văn Hòa
2/ Bà Bùi Thị Hồng Thu
- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hướng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

Trong ngày 27/4/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2018/TLST-HNGĐ ngày 29/01/2018 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/3/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trà Thị Thu H, sinh năm 1986 (có mặt)
Địa chỉ cư trú: Ấp P, xã T, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng
2. Bị đơn: Ông Trịnh Hữu L, sinh năm 1985 (vắng mặt)
Địa chỉ cư trú: Ấp P, xã T, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/10/2017 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trà Thị Thu H trình bày: Vào năm 2015 bà H và ông Trịnh Hữu L tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường T, quận C, thành phố Cần Thơ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 21/2015, quyển số 01/2015, ngày 08/5/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng bà H chung sống hạnh phúc được 07 tháng, đến tháng 12/2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do bất đồng ý kiến dẫn đến cãi vã, không thể chung sống với nhau được nữa. Ông L đã bỏ nhà đi từ tháng 12/2015, vợ chồng không còn chung sống từ tháng 12/2015 đến nay. Bà H nhận thấy hôn nhân hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn. Thời gian chung sống bà H và ông L không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại Biên bản hòa giải ngày 26/02/2018 bị đơn ông Trịnh Hữu L trình bày: Ông L thống nhất với lời trình bày của bà H về thời gian kết hôn, có đăng ký kết hôn, thời gian vợ chồng không còn sống chung. Con chung: không có. Tài sản

chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nay bà H yêu cầu ly hôn thì ông L không đồng ý, vì còn tình cảm với bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án đã tống đạt hợp lệ Giấy triệu tập xét xử đến lần thứ hai cho ông Trịnh Hữu L nhưng ông L vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Trịnh Hữu L.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trà Thị Thu H, nhận thấy bà H và ông L tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân phường T, quận C, thành phố Cần Thơ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 21/2015, quyển số 01/2015, ngày 08/5/2015. Quan hệ hôn nhân của bà H với ông L không vi phạm các điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nhưng sau một thời gian ngắn chung sống, đến tháng 12/2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi vã, ông L và bà H đã không còn chung sống từ tháng 12/2015 đến nay. Hiện bà H nhận thấy cuộc hôn nhân với ông L không có hạnh phúc, không thể chung sống với ông L được nữa nên có nguyện vọng ly hôn. Trong khi ông L cho rằng ông còn tình cảm với bà H nên không đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử đã phân tích động viên bà H suy nghĩ lại, hàn gắn tình cảm vợ chồng với ông L, nhưng bà H vẫn cương quyết xin được ly hôn, từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa các bên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Trà Thị Thu H được ly hôn với ông Trịnh Hữu L.

[3] Thời gian chung sống bà H và ông L không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà H và ông L trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà H và ông L trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Án phí sơ thẩm: Bà Trà Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/QBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trà Thị Thu H.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trà Thị Thu H được ly hôn với ông Trịnh Hữu L.

- Về con chung: Bà Trà Thị Thu H và ông Trịnh Hữu L trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2/ Về án phí sơ thẩm: Bà Trà Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, được trừ vào số tiền ứng án phí bà H đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai số 0006596, ngày 29/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà H đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí.

3/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải Thi hành án có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ST (Phòng KTNN&THA);
- Đương sự;
- VKSND huyện Trần Đề;
- UBND phường Tân Phú, Q.Cái Răng, TP Cần Thơ;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Chiêm Ngọc Linh